

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2022

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông: Trương Văn Thắng
  2. Ông: Nguyễn Thanh Hải
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* **Dương Thị Ngọc L**, sinh năm: 1984. Có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ *Bị đơn:* **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Dương Thị Ngọc L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh T không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn nên chị và anh T đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Trong thời gian chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Dương Gia A, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Dương Gia L, sinh ngày 21/11/2007 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt.*

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn là anh Nguyễn Minh T, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định.

Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh Nguyễn Minh T để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Dương Thị Ngọc L và anh Nguyễn Minh T kết hôn vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân. Chị L cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chỉ lo sống cho bản thân không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị và anh T đã không còn sống từ năm 2017 đến nay. Nay, chị khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị L. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Do, anh T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Trong thời gian chung sống chị L và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Dương Gia A, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Dương Gia L, sinh ngày 21/11/2007 hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu A và cháu L đang sống với chị L, chị L vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì, cháu A và cháu L cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo

cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu là 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc L đối với anh Nguyễn Minh T.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Ngọc L và anh Nguyễn Minh T được ly hôn. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung: Chị Dương Thị Ngọc L được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Dương Gia A, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Dương Gia L, sinh ngày 21/11/2007. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc L phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006563 ngày 17/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo, đối với các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *TAND T. Bến Tre;*
- *VKS H. Châu Thành;*
- *THADS H. Châu Thành;*
- *UBND (nơi đăng ký kết hôn);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**

